

Tranh ch p Bi n ô ng nóng lên t n m 2009, nh t là t các hành đ ng quy t đoán c a Trung Qu c tác đ ng đ n l i ích c a các n c liên quan, bao g m n n, thúc đ y n n t ng c ng can đ vào khu v c.



**T “láng gi ng m r ng”**

Tranh chấp Biển Đông tồn tại từ lâu, nhất là từ sau chiến tranh thế giới thứ hai nhưng trong suốt quá trình từ khi giành độc lập đến cuối thập kỷ 1980, Ấn Độ ít can dự vì theo đuổi chính sách không liên kết và dẫu chân chính lập các vịnh ra khỏi Ấn Độ. Khi Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa năm 1974, Ấn Độ không can dự vì quần đảo Hoàng Sa lúc đó do Việt Nam Cộng hòa quản lý trong khi Ấn Độ cùng Mỹ và có quan hệ gần gũi với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. [1] Năm 1988, Trung Quốc đưa quân chiếm đá Gạc Ma và sáu đảo đá xung quanh trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam nhưng lúc này Ấn Độ đang phải chuyển mình để vượt qua khủng hoảng trong những năm cuối của chiến tranh lạnh.

Năm 1992, Ấn Độ đưa ra chính sách Hoàng Đông nhằm tăng cường quan hệ với các nước láng giềng ở phía đông. Đây là một trong những điều chỉnh chính sách đối ngoại quan trọng trong của Ấn Độ thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Từ khu vực địa lý Đông Nam Á và hợp tác về kinh tế, chính sách Hoàng Đông dần được mở rộng ra toàn khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và bao trùm cả các vấn đề về an ninh-quân sự. Nhưng, trong suốt quá trình triển khai chính sách Hoàng Đông từ những năm đầu của Thủ tướng Manmohan Singh, vấn đề Biển Đông rất hiếm khi được đề cập trong các phát biểu, vấn đề liên đới ngoại giao tiếp xúc ngoại giao của Ấn Độ với khu vực. Cho đến năm 2000, Bộ trưởng Quốc phòng George Fernandes phát biểu trong Lữ đoàn thủy tàu khu trục INS Brahamaputra đề cập đến Biển Đông như là điểm cực đông trong dẫu chân chính lập các vịnh ra khỏi Ấn Độ từ Ấn Độ: “khu vực lợi ích của Ấn Độ mở rộng từ phía bắc Biển Đông đến Biển Đông”

[2]

. Ngoại trưởng Jashwant Sinha phát biểu tại hội thảo Harvard (Mỹ) năm 2003 cho biết Biển Đông thuộc phạm vi khái niệm

“láng rình mở rộng”

về phía đông trong chính sách Hoàng Đông. Thêm chí, Chiến lược quân sự biển của Ấn Độ năm 2007 đề cập đến Biển Đông như là địa bàn thực địa và khu vực lợi ích chiến lược của Ấn Độ chủ yếu từ hai hướng các

“nút thắt”

ra vào Ấn Độ, bao gồm eo biển Malacca ở phía đông.

**Ấn Độ “lợi ích” chiến lược ở khu vực**

Nhưng, bước sang những năm đầu của Thủ tướng Manmohan Singh, vai trò của Biển Đông được nâng lên tầm cao mới khi Ấn Độ công khai khẳng định lợi ích ở Biển Đông thể hiện trên ba khía cạnh: kinh tế, an ninh và ảnh hưởng.

**Vị kinh tế,** Ấn Độ có lợi ích về thương mại, năng lượng ở khu vực. Với bờ biển dài 7.500km, chuỗi đảo Andaman và Nicobar trải dài từ điểm cực nam cách Indonesia 90 hải lý và điểm cực bắc cách Myanmar dãi 10 hải lý là cửa ngõ trên biển về phía đông của Ấn Độ. Khoảng 77% giá trị thương mại và hơn 90% khối lượng thương mại của Ấn Độ được vận chuyển bằng đường biển, trong đó, 55% được vận chuyển qua eo biển Malacca tới các thị trường ở Châu Á - Thái Bình Dương.

[3]

Lợi ích về thương mại của Ấn Độ ở Biển Đông càng tăng khi Ấn Độ và ASEAN đạt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 100 tỷ USD vào năm 2015-2016.

Bên cạnh đó, Ấn Độ còn có lợi ích về năng lượng trong các dự án hợp tác dầu khí giữa công ty dầu khí quốc gia của Ấn Độ (OVL) và tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN) ở Lô 06, Lô 127 và 128. Dự án Lô 06 được ký vào năm 1988, trong đó mỏ khí Lan Tây - Lan Đỏ phát hiện năm 1998 với sản lượng khí đạt trung bình đạt khoảng 10 triệu m<sup>3</sup>/ngày, khí ngưng tụ đạt khoảng 200 tấn/ngày. [4]

Ngoài ra, OVL còn nắm giữ các [dự án liên doanh ở Bắc cực](#) với Rosneft của Nga. Nếu giành được các dự án này, Ấn Độ sẽ phải vận chuyển dầu qua Biển Đông vì đây là tuyến đường ngắn nhất từ Bắc cực về Ấn Độ.

**Vấn an ninh,** với khối lượng thương mại với các nước Châu Á - Thái Bình Dương ngày một tăng, sự an toàn của tuyến đường vận tải biển qua Biển Đông có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Ấn Độ. Các thách thức an ninh truyền thống (xung đột leo thang giữa các bên yêu sách) và an ninh phi truyền thống (tội phạm xuyên quốc gia trên biển, cướp biển) ở khu vực cần trở thành vận tải hàng hóa trên biển của Ấn Độ. Ngoại trưởng Ấn Độ S. Krishna nhận mạnh điều này và cho rằng Biển Đông là [“tài sản của thế giới”](#) và phải tự do cho thương mại phát triển. Thị trưởng Ngoại giao Ấn Độ Nurumapa Rao phát biểu tại Quỹ Hàng hải quốc gia tháng 7/2011 khẳng định an ninh biển là thành tựu quan trọng trong quá trình đổi mới giữa Ấn Độ và các nước trong khu vực.

[5]

**Vấn ảnh hưởng,** việc tăng cường hiện diện hải quân và “quyền tiếp cận” [6] ở Biển Đông là một phần quan trọng trong lợi ích của Ấn Độ nhằm đạt được ba mục tiêu chiến lược. Một là, hiện diện hải quân ở Biển Đông để đối trọng lại sự bành trướng

của Trung Quốc ra n Dng. Theo quan đim của n, n Bc Kinh kim soát đc Bin ông, các lc lng bin của nnc này s vtt qua Eo bin Malacca và xâm nhp vào n Dng; Trung Quốc không phi là mt cng quc n Dng nhng đng s đng các bin pháp ngoi giao, quân s và tài chính đ hiñ thc hóa điu này thông qua chin lcc

[“chui ngc trai”](#)

đ kim ch n. i trng l i, n phi tng cng hiñ diñ Biñ ông thông qua các ho t đng t p trñ h i quân song và đ phng, tàu chin thm cng bin các nnc khác ngoài Trung Quốc. Ngoài ra, n cng theo sát tình hình Biñ ông đ đm bo rñg các hành đng quy t đán của Trung Quốc Biñ ông s không diñ ra n Dng, nh t là khi Trung Quốc

[nâng vi c bo v đng giao thông bin lên thành l i ích quc gia](#)

gìng nh yêu sách lãnh th và thng nh t ài Loan.

Hai là, vi mt nkinh t đng lên và nng lc h i quân ngày càng tng, n có th t tin [v n t i nhng vùng bin xa hñ](#), vtt qua Eo bin Malacca đi vào Biñ ông. Ngân sách quc phòng dành cho h i Quân của n n m 2012/2013 tng g n 75% so vi n m tài khóa trcc, tng đng vi 4,8 t USD. n đ u t xây đng các c n c h i quân i chu i đ o Andaman và Nicobar, đng m i các tàu bè n i đ a nh tàu khu trc l p Kolkata, tàu h tng l p Kamorta, hàng không m u h m l p Vikrant, v.v.

[7] Theo chuyên gia S.D. Muni, m c dù n m i bcc vào sân chi ngoi giao bin nhng cng có kh nng chia s gánh nng an ninh cho các nnc láng gìng ã ông Á, nh t là khi n hoàn thành vi c xây đng các c n c quân s ã Andaman và Nicobar”

[8]

Ba là, các nnc ã khu v c chào đón s hiñ diñ của n nh là [“ng i bo h an ninh t m nng”](#)

Lo ng i trcc các hành đng quy t đán của Trung Quốc Biñ ông, các bên yêu sách nh kéo các nnc ln nh M vào đ cân bng và đ i trng vi Trung Quốc nhng l i lo ng i trcc ch ngh a đ n phng của M. Trong khi đó, n cng là nnc tr i d y nhng các nnc trong khu v c coi s tr i d y của n là hòa bình và không mang đ n m i đ a nh Trung Quốc. Thm chí, các nnc ln nh M, Nh t và Úc cng tng cng thúc đ y quan h vi n và mu n n có đng góp ln hñ trong vi c duy trì tr t t ã khu v c trcc mt Trung Quốc tr i d y.

**Can đ mnh m vào Biñ ông**

Sự thay đổi trong những thách thức cũng với sự thay đổi của tình hình và điều chỉnh chính sách của các nước liên quan đã thúc đẩy Ấn Độ can thiệp mạnh mẽ vào Biển Đông.

**Thứ nhất**, lãnh đạo cấp cao bày tỏ quan điểm và lập trường tại các hội nghị, diễn đàn đa phương do ASEAN dẫn dắt như ASEAN+1 với Ấn Độ, ARF, EAS, ADMM+. Quan điểm và lập trường chung là ủng hộ tự do hàng hải, thương mại đường biển không bị cản trở, giải quyết hòa bình tranh chấp theo luật pháp quốc tế (UNCLOS), thực hiện DOC, đàm phán ký kết COC và ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN.

**Thứ hai**, Ấn Độ kiên quyết bảo vệ lợi ích trong hợp tác dầu khí với Việt Nam. Năm 2006, OVL giành được quyền thăm dò Lô 127 và 128 nhưng gặp sự phản đối của Trung Quốc nhưng Ấn Độ vẫn kiên định lập trường và tiếp tục triển khai dự án thông qua các phát biểu chính thức và cam kết song phương với Việt Nam.

Việc phát biểu chính thức, Ngoại phát ngôn Bộ Ngoại giao Ấn Độ ngày 15/9/2011 khẳng định OVL hợp tác với Việt Nam và hiện diện ở ngoài khơi Việt Nam từ lâu. Đây là lĩnh vực hợp tác quan trọng đối với Ấn Độ, phù hợp với luật pháp quốc tế và cần phải thúc đẩy hơn nữa. [9] Tuy nhiên hội quân Ấn Độ do D.K. Joshi tháng 12/2012 minh định tuyên bố rằng [Ấn Độ sẵn sàng điểu khiển chiến đân Biển Đông nếu hợp tác dầu khí của OVL ở Việt Nam bị đe dọa](#)

Với cam kết với Việt Nam, các tuyên bố chung như Chỗ tịch nước Trừng Tôn Sang thăm Ấn Độ (10/2011), Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh thăm Ấn Độ (07/2013) đều khẳng định quyết tâm của hai nước trong việc tăng cường hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí ở các Lô 127 và 128. Năm 2012, Ấn Độ rút khỏi Lô 127 vì không có triển vọng khai thác thương mại nhưng vẫn tiếp tục duy trì hoạt động ở Lô 128 và mở rộng ra các lô khác.

**Thứ ba**, Ấn Độ tăng cường hợp tác hàng hải với các nước lớn có lợi ích ở Biển Đông như Mỹ, Nhật và Úc.

Tuyên bố chung Ấn - Nhật trong các năm 2010-2014 đều nhấn mạnh hợp tác an ninh biển song phương. Tháng 6/2012, Ấn Độ và Nhật tái thiết lập triển khai quân

song phương lớn đầu tiên (JIMEX-12) ở ngoài khơi Yokosuka. [10] Cảnh sát biển hai nước cùng tổ chức tập trận chung thường niên. Ấn Độ và Nhật theo luận điểm Nhật bán cho Ấn Độ máy phi cơ US-2. Trong khi đó, Ấn Độ và Mỹ theo luận điểm [Mỹ cung cấp máy bay trinh sát biển P-8I và máy bay chiến đấu C-17 cho Ấn Độ](#). Với Úc, năm 2010 hai nước cùng trao đổi chính sách quốc phòng lớn đầu tiên ở New Delhi. Tháng 6/2012, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ lớn đầu tiên thăm Úc cam kết hỗ trợ quân hai nước [tổ chức tập trận song phương vào năm 2015](#). Ngoài ra, Ấn Độ cũng tham gia vào các cơ chế đối thoại ba bên như Ấn-Nhật-Mỹ (từ 2011) và Ấn-Nhật-Hàn (từ 2012).

**Thị trường**, Ấn Độ phát huy sức mạnh và hiện diện quân trên thềm đá. Các hoạt động ngoại giao quân như tàu chiến thăm các cảng biển ở khu vực, tập trận song và đa phương được tổ chức định kỳ. Các biển, giai đoạn này xảy ra căng thẳng trên thềm đá. Ngày 22/7/2011, Trung Quốc [sách nhử tàu INS Airavat](#) đang trên đường thăm cảng Hải Phòng. Ngoại phát ngôn Bộ Ngoại giao Ấn Độ trả lời báo chí khăng định rằng họ từ chối hàng hải ở Biển Đông.

[11]  
Tháng 6/2012, tàu hải quân Trung Quốc ép [đi tàu INS Shivalik đang trên đường tới Hàn Quốc](#). Ngay sau đó tới ARF 19 tháng 7/2012, Ngoại trưởng S.M. Krishna nhận mệnh [lệnh hải từ chối hàng hải](#) theo luật pháp quốc tế. Bộ trưởng Quốc phòng A.K. Antony phát biểu tới Diễn đàn Shangri-La ám chỉ Trung Quốc và khăng định từ chối hàng hải không thu được quyền của nước nào.

[12]

## **Sự điều chỉnh của chính quyền Thủ tướng Narendra Modi**

Sau khi được cử Thủ tướng Ấn Độ tháng 5/2014, Ông Narendra Modi bắt tay ngay vào các công tác đối ngoại, bao gồm nâng cấp chính sách Hàng hải Đông thành “ [Hành động phía Đông](#) ” và có một sự điều chỉnh.

Thị trường, chính quyền Thủ tướng Modi khăng định vai trò bảo vệ an ninh lớn hơn khi công bố rằng rất có lợi ích ở Biển Đông và sự cần thiết phải giữ quy tắc hòa bình

các tranh chấp theo luật pháp quốc tế. Điều này được minh chứng trong các phát biểu của Thủ tướng Modi tại Hội nghị cấp cao [Ấn Độ-SEAN lần thứ 12](#) và [EAS lần thứ 9](#)

tháng 9/2014 và Ngoại trưởng Sushma Swaraj tại

[ARF lần thứ 21](#)

tháng 8/2014 tại Myanmar. Các tướng tác cấp cao với Mỹ, Nhật Bản, Úc và đặc biệt là Việt Nam cũng phản ánh nhân định này. Ví dụ, Tuyên bố chung Ấn-Mỹ tháng 9/2014 lần đầu tiên đề cập đến vấn đề Biện Đông và nêu rõ Ấn Độ và Mỹ

[có lợi ích chung](#)

về an ninh biển, bao gồm tự do hàng hải, thương mại không bị cản trở và giải quyết hòa bình các tranh chấp theo luật pháp quốc tế.

Thứ hai, Ấn Độ không e ngại trước Trung Quốc tại Biện Đông. Chính quyền Modi tuyên bố rằng cộng đồng hợp tác quốc phòng và an ninh biển tại khu vực không phải là đi với nỗi sợ hãi này chúng ta nên chia sẻ những ví dụ không đồng công khai và rằng rằng với sự cần thiết phải duy trì hòa bình và nhân định tại Biện Đông theo các quy chuẩn quốc tế là một sự phản đối với các hành động thay đổi nguyên trạng của Trung Quốc. Vấn đề biển được [đề cập sơ qua](#) trong chuyến thăm Ấn Độ của Tập Cận Bình tháng 9/2014 (không nêu lên trong chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Modi tháng 5/2015) được coi như là một phần trong việc gây dấy lòng tin giữa hai chính quyền mới của hai nước. Đặc biệt, trong lúc Tập Cận Bình thăm Ấn Độ, Tổng thống Pranab Mukherjee đi thăm Việt Nam không đồng cam kết hợp tác biển và tuyên bố [cấp cho Việt Nam khoản tín dụng 100 triệu USD để mua tàu tuần tra của Ấn Độ](#)

. Ấn Độ còn bày tỏ muốn

[bán tên địa hành trình siêu thanh cho BrahMos](#)

cho Việt Nam. Ấn Độ đồng thời không đồng ý duy trì hiện diện tại Biện Đông trong hợp tác năng lượng với Việt Nam. Trong chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tháng 10/2014, OVL đặt mua thêm

[kéo dài thời gian thám dò Lô 128](#)

thêm 2 năm bắt đầu từ tháng 6/2014 và

[các dự án mới](#)

tại Việt Nam bao gồm 40% cổ phần Lô 102/10 và 50% cổ phần Lô 106/10.

## Thay đổi kết

Ấn Độ đã có bước chuyển mạnh mẽ nhân thực và hành động trong vấn đề Biện Đông, coi Biện Đông thuộc lợi ích chiến lược. Chính quyền Thủ tướng Modi tiếp xu hướng đó, đặt an ninh biển thành vấn đề an ninh trung tâm trong “Hành động phía Đông” và phát huy vai trò lớn hơn thông qua hợp tác với tất cả các nước đồng vùng

củng cố các thế lực khu vực và đóng góp vào việc duy trì cán cân quyền lực Ấn Độnh  
ở Biển Đông và khu vực.

Ấn Độ sẽ tiếp tục bày tỏ quan điểm tại các diễn đàn đa phương do ASEAN dẫn dắt theo hướng ủng hộ an ninh, an toàn, tự do hàng hải; thúc đẩy mọi không bị cản trở; giữ quy tắc hòa bình các tranh chấp theo luật pháp quốc tế; thúc đẩy DOC tiến tới ký kết COC và ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN. New Delhi đang thúc đẩy tăng cường hợp tác an ninh biển với các nước lớn có lợi ích ở Biển Đông, và đặc biệt với Việt Nam vì Việt Nam được coi là “trung tâm thiềm y” và “cầu nối quan trọng” của Ấn Độ ở khu vực. Vai trò của Ấn Độ càng trở nên quan trọng khi Việt Nam là nước đi đầu phải quan hệ Ấn Độ-ASEAN giai đoạn 2015-2018.

Việt Nam cần tận dụng vai trò này để thúc đẩy quan hệ và kéo New Delhi can dự sâu hơn vào Biển Đông, nhất là tham gia vào các dự án năng lượng trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Hiện diện hải quân và bày tỏ quan điểm về Biển Đông vẫn quan trọng và cần được tiếp tục những chèo đò vì hiện diện hải quân liên quan đến vấn đề an ninh và dè bẹp Trung Quốc phần đỏi, trong khi bày tỏ quan điểm mà ít hành động thì Trung Quốc vẫn càng lớn tới. Các dự án kinh tế vĩa làm giảm nguy cơ mất an ninh, vĩa tăng cường sự hiện diện và dều chân của Ấn Độ trên thềm đũa. Ngoài ra, đây còn là hành động thúc đẩy giúp bõo về quy định chũ quy định hợp pháp của Việt Nam và thách thức “đồng lòng lĩi bõ” phi lý của Trung Quốc.

## **Phạm Duy Thức (Viễn Biển Đông, Học viện Ngoại giao)**

---

[1] Robert A. Scalapino (1974), *Asia and the Major Powers: Implications for the international order*, American Enterprise Institute for Public Policy Research, Washington D.C., the United State, tr. 40.

[2] Davit Scott (2007), “Strategic Imperatives of India as an Emerging Player in Pacific Asia”, *International Studies*, No. 44, tr.125.



[3] Avtar Singh Bhasin (2012), *India's Foreign Relations 2011 Documents*, Geetika Publisher, New Delhi, tr.65-71.

[4] Tãp đãn Dãu khã Viãt Nam (2011), *Lãn sãn ngành Dãu khã Viãt Nam đãn nãm 2010*, Tãp II, Nxb. Chãnh trã Quãc gia, Hà Nãi, tr.356.

[5] Tãđd, 3, tr.70.

[6] David Scott (2013), "India's Role in the South China Sea: Geopolitics and Geoeconomics in Play", *India Review*, Vol. 12, No. 2, tr. 54.

[7] Paul Pryce (2014), "The Indian Navy: On a Collision Course with China", *Canadian Naval Review*, Volume 9, Mumber 4, tr. 4-6.

[8] S. D. Muni (2012), 'Look East Policy: Beyond Myths' in Amar Nath Ram (ed.), 'Two Decades of India's Look East Policy: Partnership for Peace, progress and Prosperity', Manohar Publishers, New Delhi, tr. 217-218.

[9] Tãđd, 3, tr. 1180-1181.

[10] Indian Ministry of Defence Annual Report 2012-2013, tr.35.

[11] Tãđd, 3, tr. 1009.

[12] Avtar Singh Bhasin (2013), *India's Foreign Relations 2012 Documents*, Geetika Publisher, New Delhi, tr. 89-90.

